

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2471/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố Danh mục Thủ tục hành chính đủ điều kiện để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 2577/TTr-STTTT ngày 28/8/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận gồm 41 DVCTT toàn trình, trong đó cấp tỉnh: 37 DVCTT toàn trình và cấp huyện: 04 DVCTT toàn trình;

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ 15 DVCTT ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ bao gồm:

- 15 thủ tục mục XVI - Sở Thông tin và Truyền thông, Khoản A - cấp tỉnh, phụ lục I - Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 02 thủ tục mục IX - Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử, Khoản B - cấp huyện, phụ lục I - Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 02 thủ tục mục XVII - Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử, Khoản B - cấp huyện, phụ lục II - Danh mục Dịch vụ công trực tuyến một phần.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Trên cơ sở Danh mục DVCTT toàn trình tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) thực hiện tái cấu trúc quy trình thực hiện các DVCTT trên Cổng dịch vụ công của tỉnh đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ); Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ;

b) Tổ chức ứng dụng, thực hiện có hiệu quả việc cung cấp DVCTT toàn trình; hàng năm chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung Danh mục DVCTT toàn trình và một phần đủ điều kiện theo quy định và khi có thay đổi về thủ tục hành chính.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc quản lý về việc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia; đồng thời, đề ra các giải pháp đẩy mạnh việc nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện Quyết định này.

đ) Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu của hệ thống phần mềm

một cửa và Công Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; theo dõi khắc phục các lỗi kỹ thuật phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, xử lý công việc trên hệ thống phần mềm Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn, hiệu quả;

e) Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị thực hiện đồng bộ, liên thông các thủ tục hành chính cung cấp DVCTT toàn trình và một phần lên Công dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, VXNV;
- Lưu: VT, TTPVHCC.HTHG.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trịnh Minh Hoàng**

## PHỤ LỤC

### Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bưu chính (07 thủ tục)</b>		
1	1.003659	Cấp Giấy phép bưu chính	Sở Thông tin và Truyền thông
2	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	Sở Thông tin và Truyền thông
3	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	Sở Thông tin và Truyền thông
4	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Sở Thông tin và Truyền thông
5	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Sở Thông tin và Truyền thông
6	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Sở Thông tin và Truyền thông
7	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động	Sở Thông tin và Truyền thông
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Báo chí (05 thủ tục)</b>		
1	1.003888	Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	Sở Thông tin và Truyền thông
2	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Sở Thông tin và Truyền thông
3	1.009386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Sở Thông tin và Truyền thông
4	2.001171	Cho phép hợp báo (trong nước)	Sở Thông tin và Truyền thông

<b>Stt</b>	<b>Mã Quốc gia</b>	<b>Tên dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
5	2.001173	Cho phép hợp báo ( nước ngoài)	Sở Thông tin và Truyền thông
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành (13 thủ tục)</b>		
1	1.003868	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Sở Thông tin và Truyền thông
2	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông
3	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông
4	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông
5	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Sở Thông tin và Truyền thông
6	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	Sở Thông tin và Truyền thông
7	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Sở Thông tin và Truyền thông
8	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in	Sở Thông tin và Truyền thông
9	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in	Sở Thông tin và Truyền thông
10	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Sở Thông tin và Truyền thông
11	1.003483	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông
12	1.003114	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông
13	1.008201	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông
<b>IV</b>	<b>Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (12 thủ tục)</b>		
1	2.001765	Cấp giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Sở Thông tin và Truyền thông
2	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Sở Thông tin và Truyền thông
3	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Sở Thông tin và Truyền thông
4	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Sở Thông tin và Truyền thông
5	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Sở Thông tin và Truyền thông
6	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Sở Thông tin và Truyền thông
7	2.001766	Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Sở Thông tin và Truyền thông

<b>Stt</b>	<b>Mã Quốc gia</b>	<b>Tên dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
8	2.001684	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Sở Thông tin và Truyền thông
9	2.001681	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Sở Thông tin và Truyền thông
10	1.000073	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	Sở Thông tin và Truyền thông
11	2.001666	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Sở Thông tin và Truyền thông
12	1.000067	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G3 trên mạng	Sở Thông tin và Truyền thông

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

<b>Stt</b>	<b>Mã Quốc gia</b>	<b>Tên dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
	<b>Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (04 thủ tục)</b>		
1	2.001885	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND các huyện, thành phố
2	2.001884	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND các huyện, thành phố
3	2.001880	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND các huyện, thành phố
4	2.001786	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND các huyện, thành phố

---